

## Bài 42

# MỘT SỐ HÌNH THỨC CHỦ YẾU CỦA TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP

### I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

#### 1. Về kiến thức

- Phân biệt được một số hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Thấy được sự phát triển từ thấp lên cao của các hình thức này.

#### 2. Về kĩ năng

Nhận diện được những đặc điểm chính của các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

#### 3. Về thái độ, hành vi

- Nhận thức được tính đa dạng của các hình thức tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam và địa phương.
- Ủng hộ và có những đóng góp tích cực trong các hình thức tổ chức cụ thể ở địa phương (hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã...).

### II – THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các tranh, ảnh, băng hình về các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp đã nêu trong bài.
- Sơ đồ về các hình thức này.

### III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

#### 1. Những kiến thức trọng tâm

- Hộ gia đình : là hình thức của sản xuất nhỏ.
- Trang trại : được hình thành và phát triển trong thời kì công nghiệp hoá.

– Hợp tác xã nông nghiệp : một hình thức phổ biến trên thế giới, dựa trên tinh thần tự nguyện của các hộ nông dân.

– Nông trường quốc doanh : Hình thức phổ biến ở các nước XHCN.

– Thể tổng hợp nông nghiệp : hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở trình độ cao.

– Vùng nông nghiệp : hình thức cao nhất của tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp.

Đây là bài tương đối khó. GV khi giảng cần sưu tầm các tư liệu minh họa về các hình thức chưa phổ biến hay ít phổ biến ở Việt Nam và cả các hình thức đang phát triển ở địa phương, nơi HS đang sinh sống và học tập.

– GV cần thấy : tổ chức lãnh thổ nông nghiệp có nhiều hình thức từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp. Trong phạm vi bài học, chỉ đề cập đến ba hình thức quan trọng nhất :

+ Xí nghiệp nông nghiệp : là một trong các hình thức của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, trong đó có sự thống nhất giữa lực lượng lao động với tư liệu lao động (đất đai) và đối tượng lao động (cây trồng – vật nuôi) để tạo ra lương thực, thực phẩm cho con người và nguyên liệu cho các ngành kinh tế. Các nông hộ, trang trại, hợp tác xã, nông trường quốc doanh được coi là xí nghiệp nông nghiệp.

+ Thể tổng hợp nông nghiệp.

+ Vùng nông nghiệp.

– Khi trình bày về các hình thức cụ thể, GV nên tập trung vào 3 ý chính : vị trí trong hệ thống lãnh thổ nông nghiệp, vai trò đối với kinh tế – xã hội và đặc điểm của từng hình thức, để từ đó HS thấy được những thế mạnh cũng như những hạn chế của chúng.

### **1.1. Hộ gia đình**

– Nhìn chung, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, người ta thừa nhận "hộ" là "gia đình" và "kinh tế hộ" là "kinh tế gia đình". Hộ là một đơn vị kinh tế – xã hội tự chủ, cùng một lúc thực hiện nhiều chức năng mà ở các đơn vị kinh tế khác không thể có được. Hộ là một tế bào xã hội với sự thống nhất của các thành viên có cùng huyết tộc, mà mỗi thành viên đều có nghĩa vụ và trách nhiệm làm tăng thu nhập, đảm bảo sự tồn tại. Hộ còn là một đơn vị sản xuất và tiêu dùng.

- GV tham khảo thêm về đặc điểm của hộ gia đình :
- + *Đất đai* : quy mô canh tác nhỏ bé, biểu hiện rõ tính chất tiểu nông. Ở Ấn Độ bình quân diện tích đất canh tác < 2ha/hộ, ở Phi-líp-pin < 3ha, ở Việt Nam từ 0,5ha (ở miền Bắc) đến 0,6 – 1ha/hộ (ở Đồng bằng sông Cửu Long). GV chú ý thêm, ở Việt Nam hộ không có quyền sở hữu ruộng đất mà chỉ có quyền sử dụng.
- + *Vốn* : đại bộ phận rất ít, quy mô thu nhập nhỏ, khả năng tích lũy thấp làm hạn chế khả năng đầu tư tái sản xuất. Vật tư được mua phục vụ cho sản xuất từ tiền dư bán nông phẩm.
- + *Lao động* : trong tổ chức lao động, sử dụng lao động gia đình : sức lao động của nông hộ không phải hàng hoá, mà chủ yếu tự phục vụ gia đình nhằm thoả mãn các nhu cầu vật phẩm của gia đình.
- + *Kĩ thuật canh tác và công cụ sản xuất* : ít biến đổi, mang nặng tính truyền thống.
- + *Quy mô sản xuất* (đất đai, vốn, lao động) rất nhỏ bé.

### **1.2. Trang trại**

- GV chú ý khai thác những đặc điểm của trang trại và so sánh với kinh tế hộ gia đình. GV có thể tham khảo cuốn "*Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*", GS.TS Nguyễn Đình Hương (Chủ biên) – NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2000 để hiểu sâu hình thức này.

- Trang trại là hình thức gắn liền với quá trình công nghiệp hoá từ thấp lên cao, là sự phát triển tất yếu của nền nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá. Chính công nghiệp hoá đã đặt yêu cầu khách quan cho phát triển sản xuất nông sản hàng hoá, tạo điều kiện cho kinh tế trang trại hình thành và phát triển. Kinh tế trang trại là kết quả tất yếu của kinh tế hộ gắn với sản xuất hàng hoá, là hình thức tiến bộ mới của sản xuất nông nghiệp thế giới.

- Những đặc điểm nổi bật của trang trại :
- + Mục đích chủ yếu là sản xuất nông phẩm hàng hoá theo nhu cầu của thị trường : đây là bước tiến bộ từ kinh tế hộ tự cấp tự túc lên các hộ nông nghiệp hàng hoá.
- + Tư liệu sản xuất (đất đai) thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng (như ở Việt Nam) của một người chủ độc lập (tức là người có quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh).

- + Quy mô đất đai và tiền vốn tương đối lớn.
- + Cách thức tổ chức sản xuất tiến bộ, đẩy mạnh chuyên môn hoá, tập trung vào những nông sản có lợi thế so sánh, khả năng sinh lợi cao hơn và thâm canh (đầu tư vốn trên mỗi đơn vị diện tích, đầu tư những công nghệ sản xuất tiến bộ...).
- + Các trang trại đều có thuê mướn lao động (lao động thường xuyên và lao động thời vụ).

Ở Việt Nam, trang trại mới phát triển từ đầu thập kỉ 90 song nó đã tạo ra sự phát triển mới trong nông nghiệp và nông thôn, tạo điều kiện để nông nghiệp nước ta chuyển nhanh sang sản xuất hàng hoá. Hiện nay cả nước có trên 120.000 trang trại với các loại hình khác nhau : trang trại nông nghiệp, trang trại lâm nghiệp, trang trại nông – lâm nghiệp, trang trại lâm – nông – dịch vụ...

### ***1.3. Hợp tác xã nông nghiệp (HTX)***

– GV lưu ý HS hai điểm :

- + HTX là tổ chức kinh tế của nông dân, do nông dân tự nguyện tham gia, để hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển, tăng nhanh tỉ suất hàng hoá và đạt hiệu quả kinh tế cao.
- + HTX là đòi hỏi tất yếu của nông dân, vì trong cơ chế thị trường có nhiều thành phần, có cạnh tranh để tồn tại và phát triển, đòi hỏi các hộ phải hợp tác với nhau trên các lĩnh vực cần thiết để đấu tranh bảo vệ lợi ích của chính mình. Kinh tế hộ càng phát triển thì nhu cầu hợp tác càng cao.

– GV cố gắng nêu ra các ví dụ cụ thể về HTX ở Việt Nam hay địa phương. GV làm rõ sự khác nhau về phương thức hoạt động của HTX trước và sau thời kì Đổi mới.

- + Trước 1986 : mô hình HTX hoạt động dựa trên sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất (ruộng đất, trâu bò, các nông cụ chính) và sản xuất theo kế hoạch pháp lệnh của nhà nước. Kết quả lao động của người nông dân được trả theo công điểm.
- + Sau 1986 : dựa trên chính sách khoán đến hộ gia đình, giao khoán đất 10 –15 năm, các HTX trao quyền sử dụng đất, quyền tự chủ sản xuất cho xã viên, hoạt động của HTX chỉ tập trung cho các khâu sản xuất mà từng hộ không làm được hoặc làm không có hiệu quả, hay thực hiện các hoạt động dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, hướng dẫn sản xuất, chuyển giao kĩ thuật và hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển.

#### **1.4. Thế tổng hợp nông nghiệp**

Đây là một khái niệm khó và trừu tượng. GV làm rõ cho HS hình thức này qua một số đặc trưng cụ thể :

- Nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với công nghiệp chế biến và các hoạt động dịch vụ.
- Sản xuất hàng hoá, dựa trên những điều kiện thuận lợi về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và kinh tế.
- Có các xí nghiệp nông - công nghiệp hạt nhân với những mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau.

Ví dụ cụ thể : thế tổng hợp nông nghiệp ngoại thành, xung quanh các thành phố lớn và các trung tâm công nghiệp. Yếu tố quan trọng cho sự hình thành là vị trí địa lí, kinh tế (như cầu thị trường).

#### **1.5. Vùng nông nghiệp**

- Trước hết GV nêu lên ý nghĩa của việc phân chia các vùng nông nghiệp trong cả nước.

+ Phân bố nông nghiệp hợp lí, bố trí cây trồng, con nuôi phù hợp với các điều kiện sinh thái nông nghiệp, điều kiện kinh tế - xã hội.

+ Hình thành các vùng chuyên môn hoá nông nghiệp.

- GV có thể tham khảo ví dụ cụ thể dưới đây để phân tích những đặc điểm của vùng nông nghiệp trong SGK.

*Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng* : Đây là đồng bằng châu thổ được khai thác từ lâu đời. Phần lớn diện tích đồng bằng là đất phù sa không được bồi đắp hằng năm, đất có độ phì cao và trung bình, có nhiều ô trũng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh. Có khả năng thâm canh, xen canh, tăng vụ. Dân cư đông đúc, mật độ dân số cao nhất cả nước với nhiều kinh nghiệm trồng lúa nước. Hệ thống giao thông, thuỷ lợi phát triển. Mạng lưới đô thị cao nhất cả nước, tập trung nhiều cơ sở công nghiệp, trong đó có nhiều cơ sở chế biến nông sản. Hướng chuyên môn hoá của vùng là lúa, cây thực phẩm, rau, cây công nghiệp, chăn nuôi lợn, gia cầm, thuỷ sản.

## **2. Phương pháp dạy học**

- Đàm thoại gợi mở.
- Thảo luận theo nhóm.

- Sơ đồ hoá bài học.
- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong khi tổng kết bài học.

#### IV – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

##### 1. Mở bài

Có thể sử dụng phần mở đầu của SGK.

##### 2. Tổ chức dạy học

a) Để dạy bài học này một cách sinh động, GV nên tìm các ví dụ cụ thể về từng hình thức và tăng cường phương pháp đàm thoại gợi mở.

b) GV nên xây dựng một khung bảng kiến thức, kết hợp giữa đàm thoại và khai thác tri thức từ SGK, hay các câu hỏi trắc nghiệm để trình bày bài giảng vừa dễ hiểu vừa có hiệu quả cao.

Ví dụ : Em hãy sắp xếp cụm từ đã cho dưới đây vào bảng sao cho đúng :

- Hình thức vốn có của sản xuất nhỏ.
- Sản xuất hàng hoá.
- Gắn với quá trình công nghiệp hoá.
- Chủ yếu nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng.
- Vốn ít, quy mô đất đai nhỏ bé.
- Sử dụng lao động làm thuê.
- Sử dụng lao động gia đình.
- Vốn và quy mô đất đai đủ lớn.
- Trình độ kĩ thuật thấp.
- Áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, thâm canh và chuyên môn hoá.

Hộ gia đình	Trang trại